TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị M, sinh năm 1985. Đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Trọng T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn T1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Đào Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Ngô Trọng T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K vào ngày 19 tháng 8 năm 2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 24). Giữa năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị mất niềm tin anh T về tình cảm cũng như làm ăn kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T đánh chị nhiều lần. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, nên chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Ngô Thị Như N, sinh ngày 29/4/2004; Ngô Trọng K, sinh ngày 04/11/2007, đang do anh T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Ngô Trọng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 18 tháng 3 năm 2019 thống nhất với chị M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hòa thuận. Giữa năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, chị M không biết cách đối nhân xử thế, không tôn trọng anh và gia đình anh, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị M xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị M đã khai. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mỹ; cho chị Đào Thị M được ly hôn anh Ngô Trọng T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Như N, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Ngô Trọng K, sinh ngày 04/11/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M xin ly hôn anh T căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Đào Thị M và anh Ngô Trọng T là hôn nhân hợp

pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2016 do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về tình cảm cũng như làm ăn kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị M có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh T tại bản khai và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con là Ngô Thị Như N, sinh ngày 29/4/2004; Ngô Trọng K, sinh ngày 04/11/2007 đang do anh T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng; chị M nhận có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã T thì anh T làm nghề lao động tự do có mức thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có bố mẹ đẻ anh T giúp đỡ, chăm sóc các cháu rất tốt, đảm bảo cuộc sống cho các cháu được học tập đầy đủ; mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh T. Do đó cần giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M làm công nhân may mặc, thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng, chị nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị M được ly hôn anh Ngô Trọng T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Như N, sinh ngày 29/4/2004 và cháu Ngô Trọng K, sinh ngày 04/11/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng.

Sau khi ly hôn, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T mà chị M chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012162 ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị M còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu